

TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 4

THÀNH NGỮ - TỤC NGỮ (Lần 1)

Em hãy điền một từ còn thiếu vào chỗ trống sau

STT	Thành ngữ - tục ngữ
1	Tiên học lễ, hậu học
2	Tôn sư trọng
3	Đi một ngày đàng một sàng khôn
4	Ăn quả kẻ trồng cây
5	Uống nước nguồn
6	Chim có tổ, người có
7	Ở hiền lành
8	Ở ác gặp.....
9	Môi hở lạnh
10	Máu chảy mềm
11	Lạt buộc chặt
12	Nước đá mòn
13	Lá lành lá rách
14	Nhường sẻ áo
15	Một giọt đào hơn ao nước lã
16	Chia ngọt bùi
17	Chị em nâng
18	Trên kính dưới

19	Thương nhau như em gái
20	Ruột để da
21	Thẳng ruột ngựa
22	Thuốc đắng dã tật, sự mất lòng
23	Cây ngay sợ chết đứng
24	Đói cho sạch, cho thơm
25	Giấy rách phải giữ lấy
26	Chịu chịu khó
27	Đồng cộng khổ
28	Đồng hiệp lực
29	Đồng sức lòng
30	Cầu được thấy
31	Đứng núi trông núi nọ
32	Có thì nên
33	Có công mài có ngày nên kim
34	Thua keo này, bày khác
35	Chớ thấycả mà ngã tay chèo

36	Thất bại là thành công
37	Thắng không kiêu, không nản
38	Lửa thử, gian nan thử sức
39	Kiến lâu cũng đầy tổ
40	Người ta là đất